

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST

Ngày: 24/3 /2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Anh Minh

2. Ông Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông: Nguyễn Phi Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm T H, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn T T, sinh năm: 1985, Địa chỉ: số A, đường H, khóm A, phường B, TP. C, tỉnh C là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn theo văn bản uỷ quyền ngày 27/10/2022 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn C Gi

Địa chỉ: đường K X, khóm A, phường B, thành phố C M, tỉnh C.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và tại phiên tòa bà Phạm T H trình bày:

Ngày 24/02/2022, bà Phạm T H có cho bà Nguyễn C Gi vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, từ khi vay đến nay **bà G** hoàn toàn không trả lãi. Tại đơn khởi kiện bà Hà khởi kiện xác định bà Nguyễn C Gi còn nợ lại số tiền vốn là 20.000.000 đồng và tính lãi 10%/tháng từ ngày **bà G** vay đến ngày khởi kiện là 07 tháng số tiền lãi là 14.000.000đ. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và phiên Tòa nguyên đơn và đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu vốn vay là 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà Nguyễn C Gi: Mặc dù **bà G** đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà Nguyễn C Gi vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 20.000.000đ phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa bà Phạm T H và bà Nguyễn C Gi là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại giấy biên nhận ngày 24.02.2022 đã thể hiện nội dung: “ngày 24 tháng 2 năm 2022 tôi Nguyễn C Gi có mượn chế H 15.000.000đ và phía dưới có ghi bổ sung C G lấy thêm 5.000.000đ”. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân **bà G** đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, **bà G** cũng không có văn bản

thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên yêu cầu của của bà Phạm T H về việc buộc bà Nguyễn C Gi trả số tiền nợ gốc đã vay nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về lãi suất: Tại phiên Tòa nguyên đơn xác định giao dịch vay có thỏa thuận lãi nhưng tại biên nhận chính là chứng cứ do nguyên đơn đã cung cấp lại thể hiện là tiền mượn là giao dịch vay không lãi, không có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Do đó, tại đơn khởi kiện và phiên Tòa nguyên đơn xác định không yêu cầu lãi là hoàn toàn phù hợp đúng qui định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T H. Buộc bà Nguyễn C Gi có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm T H số tiền vốn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm T H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn C Gi không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn C Gi phải chịu 1.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Phạm T H không phải chịu án phí. Ngày 04/10/2022 bà Phạm T H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0002024) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm T H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn C Gi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc